

Số: 569/QĐ-SLĐTBXH

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 2519/UBND-KGVX ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi áp dụng TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ Kế hoạch số 1609/KH-SLĐTBXH ngày 29/6/2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo ISO; Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và đơn vị trực thuộc Sở; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; công

chức, viên chức và người lao động có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (B/cáo);
- Sở KH&CN/Chi cục TCĐLCL;
- Sở Nội vụ;
- VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Đăng website Sở;
- Lưu VT, Ban ISO.

GIÁM ĐỐC

Lương Kim Sơn

Phụ lục

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NGÃI ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SLĐTBXH ngày tháng năm 2018 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi).

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH/QUY TRÌNH	MÃ HIỆU
I	Lĩnh vực Việc làm – An toàn lao động (21)	
1.	Quy trình cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	QT.VLAT.01
2.	Quy trình cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	QT.VLAT.02
3.	Quy trình gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	QT.VLAT.03
4.	Quy trình báo cáo nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	QT.VLAT.04
5.	Quy trình cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT.VLAT.05
6.	Quy trình cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	QT.VLAT.06
7.	Quy trình đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	QT.VLAT.07
8.	Quy trình thu hồi giấy phép lao động	QT.VLAT.08
9.	Quy trình xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	QT.VLAT.09
10.	Quy trình đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (có thời gian dưới 90 ngày).	QT.VLAT.10
11.	Quy trình thông báo việc tuyển chọn lao động đi làm việc ở nước ngoài	QT.VLAT.11
12.	Quy trình đăng ký hợp đồng lao động cá nhân đối với lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	QT.VLAT.12
13.	Quy trình Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý	QT.VLAT.13
14.	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận hạng A của tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý	QT.VLAT.14
15.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.VLAT.15

16.	Quy trình Thông báo doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý)	QT.VLAT.16
17.	Quy trình đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa.	QT.VLAT.17
18.	Quy trình báo cáo công tác An toàn, vệ sinh lao động.	QT.VLAT.18
19.	Quy trình gửi báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động	QT.VLAT.19
20.	Quy trình thông báo việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm.	QT.VLAT.20
21.	Quy trình Khai báo sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	QT.VLAT.21
II Lĩnh vực Thanh tra (03)		
22.	Quy trình Điều tra tai nạn lao động tại doanh nghiệp.	QT.TTRA.01
23.	Quy trình tiếp công dân.	QT.TTRA.02
24.	Quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân.	QT.TTRA.03
III Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (05)		
25.	Quy trình Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	QT.BTXH.01
26.	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	QT.BTXH.02
27.	Quy trình Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	QT.BTXH.03
28.	Quy trình Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội	QT.BTXH.04
29.	Quy trình Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động- Thương binh và Xã hội cấp.	QT.BTXH.05
IV Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (05)		
30.	Quy trình Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	QT.PCTN.01
31.	Quy trình Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	QT.PCTN.02
32.	Quy trình Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	QT.PCTN.03
33.	Quy trình Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	QT.PCTN.04
34.	Quy trình Đề nghị chấm dứt hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT.PCTN.05
V Lĩnh vực Lao động – Tiền lương (08)		
35.	Quy trình Đăng ký Nội quy lao động của doanh nghiệp	QT.LĐTL.01
36.	Quy trình Gửi thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp	QT.LĐTL.02
37.	Quy trình Thẩm định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu	QT.LĐTL.03

38.	Quy trình Thẩm định quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu.	QT.LĐTL.04
39.	Quy trình Thẩm định hồ sơ xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III).	QT.LĐTL.05
40.	Quy trình Tiếp nhận thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động	QT.LĐTL.06
41.	Quy trình Tiếp nhận báo cáo hoạt động cho thuê lại lao động	QT.LĐTL.07
42.	Quy trình Báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của đơn vị, doanh nghiệp cho thuê lại lao động	QT.LĐTL.08
VI	Lĩnh vực Dạy nghề (12)	
43.	Quy trình Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	QT.DN.01
44.	Quy trình Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với doanh nghiệp	QT.DN.02
45.	Quy trình Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	QT.DN.03
46.	Quy trình Xác nhận mẫu phôi chứng chỉ sơ cấp, mẫu phôi bản sao chứng chỉ sơ cấp	QT.DN.04
47.	Quy trình Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp đối với trường trung cấp	QT.DN.05
48.	Quy trình Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp đối với Trường trung cấp	QT.DN.06
49.	Quy trình Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT.DN.07
50.	Quy trình Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)	QT.DN.08
51.	Quy trình Cho phép mở phân hiệu với trường trung cấp trong cùng một tỉnh	QT.DN.09
52.	Quy trình Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT.DN.10
53.	Quy trình Thành lập Hội đồng quản trị trường trung cấp tự thực	QT.DN.11
54.	Quy trình Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	QT.DN.12
VII	Lĩnh vực Người có công (45)	
55.	Quy trình giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945	QT.NCC.01
56.	Quy trình giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	QT. NCC.02
57.	Quy trình xác nhận liệt sĩ	QT.NCC.03

58.	Quy trình đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”.	QT.NCC.04
59.	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động	QT.NCC.05
60.	Quy trình giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	QT.NCC.06
61.	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp bệnh binh	QT.NCC.07
62.	Quy trình giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.08
63.	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp đối với người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT. NCC.09
64.	Quy trình giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.NCC.10
65.	Quy trình giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT. NCC.11
66.	Quy trình sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	QT.NCC.12
67.	Quy trình giải quyết chế độ mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT.NCC.13
68.	Quy trình hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT.NCC.14
69.	Quy trình giải quyết chế độ đối ưu đãi với thân nhân liệt sĩ	QT.NCC.15
70.	Quy trình di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	QT.NCC.16
71.	Quy trình đổi hoặc cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”.	QT.NCC.17
72.	Quy trình giải quyết hưởng lại chế độ ưu đãi người có công (đang hưởng chế độ ưu đãi mà phạm tội nay đã chấp hành xong hình phạt xin phục hồi chế độ ưu đãi).	QT. NCC.18
73.	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác.	QT.NCC.19
74.	Quy trình lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình.	QT. NCC.20
75.	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Campuchia.	QT.NCC.21
76.	Quy trình giải quyết chế độ, chính sách theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo diện dân chính.	QT.NCC.22
77.	Quy trình trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	QT.NCC.23
78.	Quy trình trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	QT.NCC.24
79.	Quy trình giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.NCC.25
80.	Quy trình xác nhận liệt sĩ đối với người thuộc lực lượng quân	QT.NCC.26

	đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
81.	Quy trình xác nhận liệt sĩ đối với người hy sinh không thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.	QT. NCC.27
82.	Quy trình cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp Bằng.	QT.NCC.28
83.	Quy trình giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động.	QT. NCC.29
84.	Quy trình giám định vết thương còn sót	QT.NCC.30
85.	Quy trình giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh.	QT.NCC.31
86.	Quy trình giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.32
87.	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.33
88.	Quy trình giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT.NCC.34
89.	Quy trình giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ.	QT.NCC.35
90.	Quy trình mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QT. NCC.36
91.	Quy trình giới thiệu người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đi giám định lại tỷ lệ suy giảm khả năng lao động.	QT.NCC.37
92.	Quy trình xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT. NCC.38
93.	Quy trình bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	QT.NCC.39
94.	Quy trình đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ.	QT.NCC.40
95.	Quy trình giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần.	QT.NCC.41
96.	Quy trình thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT.NCC.42
97.	Quy trình Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến:	QT.NCC.43
98.	Quy trình Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	QT.NCC.44
99.	Quy trình thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT. NCC.45

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NGÃI

Công bố hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với hoạt động của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SLĐTBXH ngày tháng 9 năm 2018 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2018
GIÁM ĐỐC

Lương Kim Sơn